

Phần sáu

PHỤ LỤC

- 1.Chân dung Trường – Phó ngành*
- 2.Nhà giáo liệt sĩ*
- 3.Cán bộ, giáo viên kháng chiến B.1000
và các địa phương*
- 4.Nhà giáo Ưu tú*

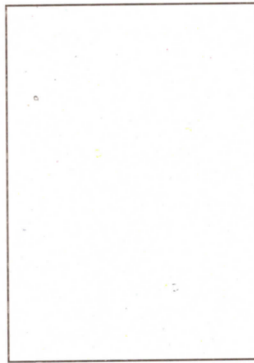
1000000

1000000

PHỤ LỤC

1.
CHÂN DUNG
TRƯỞNG – PHÓ NGÀNH

TRƯỞNG NGÀNH



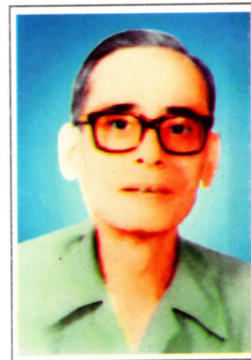
Ông NGUYỄN VĂN DÂN
Năm sinh :
Quê quán :
Trưởng Ty : Năm 1947



Ông VÕ VĂN HUỖN
Năm sinh: 1909
Quê quán: An Bình Tây – Ba Tri – Bến Tre
Trưởng Ty: từ 1949 – 1951



Ông NGUYỄN TRƯỜNG PHƯƠNG
Năm sinh: 1925
Quê quán: Phú Hưng-Thị xã Bến Tre
Trưởng TBGD tỉnh: 1961 – 1968



Ông NGUYỄN LIÊM
Năm sinh: 1917
Quê quán: Tân Thành Bình-Mỏ Cày-Bến Tre
Trưởng Ty: 1968 - 1976



Ông LÊ CHÍ NHÂN
Năm sinh: 1930
Quê quán: Lộc Thuận-Bình Đại-Bến Tre
Trưởng Ty: 1976 - 1978



Ông PHẠM VĂN MẢO
Năm sinh: 1939
Quê quán: Hữu Định-Châu Thành-Bến Tre
Giám đốc Sở: 1979 - 1983



Ông ĐẶNG MINH TÂM
 Năm sinh: 1934
 Quê quán: Thành An-Mỏ Cày-Bến Tre
 Giám đốc Sở: 1984 - 1988



Ông NGUYỄN KIÊN CƯỜNG
 Năm sinh: 1935
 Quê quán: Thanh Tân-Mỏ Cày-Bến Tre
 Giám đốc Sở: 1988 - 1996



Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG
 Năm sinh: 1941
 Quê quán: Phú Hưng-Thị xã Bến Tre
 Giám đốc Sở: 1996 - 2001



Ông NGUYỄN THANH SƠN
 Năm sinh: 1948
 Quê quán: An Định-Mỏ Cày-Bến Tre
 Giám đốc Sở: 2001 - 2005



Ông TRƯƠNG VĂN NGHĨA
 Năm sinh: 1959
 Quê quán: Khánh Thạnh Tân-Mỏ Cày-Bến Tre
 Giám đốc Sở: 2006 - 2008

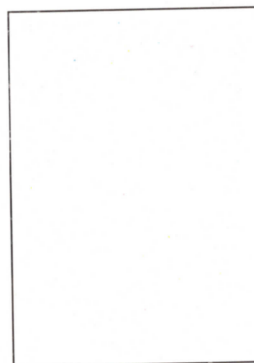


Ông LÊ NGỌC BỬU
 Năm sinh: 1960
 Quê quán: Vĩnh An-Ba Tri-Bến Tre
 Giám đốc Sở: 2008 đến nay

PHÓ TRƯỞNG NGÀNH



Ông TRẦN TRUNG TRỰC
Năm sinh:
Quê quán: Chợ Lách-Bến Tre
Phó Trưởng Ty: 1949 - 1951



Ông BA TRƯỞNG
Năm sinh:
Quê quán: Sóc Sãi-Bến Tre
Phó Trưởng Ty: 1949-1951



Ông LÊ QUANG QUỚI
Năm sinh: 1933
Quê quán: Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre
Phó Trưởng TBGD tỉnh: 1964 - 1968



Ông NGÔ HẢI PHONG
Năm sinh: 1940
Quê quán: Cần Giuộc-Long An
Phó Trưởng Ty: 1973-1977



Ông NGUYỄN KIM HỒNG
Năm sinh: 1925
Quê quán: Phú Hưng-Thị xã Bến Tre
Phó Trưởng Ty: 1974 - 1979



Ông PHẠM MINH SÁCH
 Năm sinh: 1936
 Quê quán: An Hòa Tây-Ba Tri-Bến Tre
 Phó Trưởng Ty: 1976 - 1977



Ông NGUYỄN ĐIỀN NHÂN
 Năm sinh: 1937
 Quê quán: Lương Phú-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Trưởng Ty: 1976 - 1979



Ông DƯƠNG VĂN HUÊ
 Năm sinh: 1930
 Quê quán: Vĩnh Hòa-Ba Tri-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1976 - 1981
 và 1988 - 1992



Ông PHAN TRƯỜNG THẮNG
 Năm sinh: 1937
 Quê quán: Thuận Điền-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Trưởng Ty: 1976 - 1978



Ông NGUYỄN THÀNH MỸ
 Năm sinh: 1941
 Quê quán: Bình Thới-Bình Đại-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1977 - 1993



Ông PHAN NGỌC ĐĂNG
 Năm sinh: 1937
 Quê quán: Thới Thuận-Bình Đại-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1979 - 1984



Ông BUI VĂN CHIẾN
 Năm sinh: 1943
 Quê quán: Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1984 - 1991



Bà ĐINH THỊ NGUYỄN
 Năm sinh: 1941
 Quê quán: An Khánh-Châu Thành-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1987 - 1998



Ông PHAN MINH VIỆT
 Năm sinh: 1940
 Quê quán: Thuận Điền-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: Năm 1998



Bà TRẦN THỊ HUỠNG
 Năm sinh: 1954
 Quê quán: Phong Nẫm-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 1998 - 2003



Ông NGUYỄN VĂN BÉ
 Năm sinh: 1950
 Quê quán: An Thới-Mỏ Cày-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 2001 đến nay



Ông LÊ VĂN CHÍN
 Năm sinh: 1959
 Quê quán: Lương Quới-Giồng Trôm-Bến Tre
 Phó Giám đốc Sở: 2004 đến nay

PHỤ LỤC

2. NHÀ GIÁO LIỆT SĨ

NHÀ GIÁO LIỆT SĨ TRỰC THUỘC TIỂU BAN GIÁO DỤC TỈNH (B.1000)

TT	Họ tên	Năm sinh	Quê quán	Năm hy sinh	Nơi hy sinh
1	Lê Quang Quới (Tur Minh)	1933	Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	1969	Châu Thành
2	Lê Thanh Kiên	1941	Hòa Lộc-Mỏ Cày-Bến Tre	1969	Mỏ Cày
3	Nguyễn Thị Yến Lan	1942	Bình Thới-Bình Đại-Bến Tre	1969	Thừa Đức-Bình Đại
4	Huyền Thanh	1942	Giồng Trôm-Bến Tre	1969	Bình Đại
5	Huỳnh Văn Dặc (Phong Trần)	1946	Mỹ Nhơn-Ba Tri-Bến Tre	1969	Phước Long-Giồng Trôm
6	Trần Văn Tây (Thanh Dũng)	1938	Phước Thạnh-Châu Thành-Bến Tre	1970	Phủ Túc-Châu Thành
7	Nguyễn Toàn	1942	Giồng Trôm	1970	Giồng Trôm
8	Trần Ái Việt	1943	Long Mỹ-Giồng Trôm-Bến Tre	1970	Long Mỹ-Giồng Trôm
9	Bùi Văn Thành (Ba Thành)	1944	Châu Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	1970	Giồng Trôm
10	Phạm Tường Vân (Hoàng Dũng)	1946	Nhơn Thạnh-Thị xã-Bến Tre	1971	Giồng Trôm
11	Nguyễn Văn Cẩm (Hai Cẩm)	1939	An Hội-Thị xã-Bến Tre	1974	Thạnh Phong-Thạnh Phú
12	Nguyễn Trường Phương (Ba Phương)	1925	Phú Hưng-Thị xã-Bến Tre	1975	Hữu Định-Châu Thành

*(Danh sách này chưa đầy đủ, còn sai sót về các chi tiết;
mong được nhận thêm các ý kiến đóng góp, bổ sung để hoàn chỉnh)*

Ban biên tập

NHÀ GIÁO LIỆT SĨ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	Họ tên	Năm sinh	Quê quán	Ngày hy sinh	Nơi hy sinh (xã)
	HUYỆN BA TRI				
1	Nguyễn Viết Dim	1928	Mỹ Thạnh	1963	Mỹ Thạnh
2	Huỳnh Văn Giật	1942	Mỹ Nhơn	1967	Phước Long
3	Nguyễn Viết Hồi	1929	Mỹ Thạnh	1960	Mỹ Thạnh
4	Đoàn Thị Kiệp	1946	Tân Hưng	1968	An Ngãi Tây
5	Lê Kế Khoái	1941	Mỹ Chánh	1969	Phước Thạnh
6	Trần Hữu Mới	1948	Mỹ Chánh	1970	Thừa Đức
7	Nguyễn Thị Nhân	1940	Mỹ Nhơn	1968	Bà Rịa-Vũng Tàu
8	Nguyễn Văn Nhơn	1919	Tân Hưng	1969	Tân Hưng
9	Hồ Văn Thành	1935	Tân Hưng	1969	Tân Hưng
10	Phan Hữu Triều	1910	Tân Hưng	1967	Hưng Lễ
11	Phạm Văn Tư	1941	Tân Hưng	1966	Hưng Lễ
	HUYỆN CHỢ LÁCH				
1	Mã Văn Cam	1930		24/11/1954	Vĩnh Bình
2	Huỳnh Văn Hoa	1905	Hưng Khánh Trung	23/01/1963	Hưng Khánh Trung
3	Trần Văn Hùng	1947	Hưng Khánh Trung	17/07/1969	Hưng Khánh Trung
4	Huỳnh Văn Năm	1945	Hưng Khánh Trung	23/01/1963	Hưng Khánh Trung
	HUYỆN CHÂU THÀNH				
1	Lê Văn Bửu	1947	Thành Triệu	02/01/1974	Thành Triệu
2	Lê Kế Khoái	1941	Mỹ Chánh	10/12/1969	Phước Thạnh
3	Nguyễn Ngọc Lễ (Thanh Hùng)	1938	Phước Thạnh	1968	Phước Thạnh
4	Nguyễn Văn Nam	1929	Tân Thạch	10/06/1974	Tân Thạch
	HUYỆN GIỒNG TRÔM				
1	Phan Thị Chăm	1952	Hưng Phong	04/08/1970	Hưng Phong
2	Nguyễn Văn Chứa	1945	Phước Long	20/12/1968	Phước Long
3	Nguyễn Hữu Cung	1925	Lương Phú	21/07/1968	Lương Phú
4	Võ Văn Cừ	1941	Phong Mỹ	16/08/1970	Mỏ Cày
5	Phan Văn Dài	1939	Thuận Điền	14/05/1971	Thuận Điền
6	Nguyễn Văn Điền	1942	Châu Bình	1969	
7	Dương Công Điền	1943	Châu Bình	1968	Châu Bình
8	Huỳnh Văn Gàng	1921	Châu Bình	28/05/1974	Châu Bình

9	Đỗ Văn Giai	1942	Lương Phú	25/01/1975	
10	Huỳnh Văn Hà	1937	Châu Bình	1968	Châu Bình
11	Lê Văn Hiền	1941	Hưng Phong	18/08/1970	Thanh Phú Đông
12	Trương Văn Hoàng	1942	Châu Hòa	27/07/1968	Mất tích
13	Võ Văn Hoàn	1934	Phong Nắm	25/08/1971	Phong Nắm
14	Nguyễn Văn Khâm	1940	Tân Hào	21/08/1965	Tân Hào
15	Trần Văn Khoa	1944	Long Mỹ	1972	Lương Phú
16	Võ Hoàng Kiếm	1941	Tân Hào		
17	Phạm Văn Kiệt	1944	Thanh Phú Đông	13/03/1969	
18	Hồ Thị Kiều	1948	Thuận Điền		
19	Nguyễn Văn Lâm	1944	Long Mỹ	1962	Long Mỹ
20	Nguyễn Văn Luận	1937	Châu Hòa	26/08/1963	Châu Hòa
21	Trương Văn Mậu	1933	Châu Hòa	22/02/1968	Châu Hòa
22	Lê Văn Nguơn	1943	Châu Bình	1968	Miền Đông
23	Nguyễn Văn Nhê	1946	Thanh Phú Đông	04/04/1969	Thanh Phú Đông
24	Lê Văn Phi	1943	Long Mỹ		
25	Nguyễn Văn Phi	1944	Long Mỹ	1967	Cái Bè-Tiền Giang
26	Đặng Văn Rong	1942	Thuận Điền	1969	Mỹ Thạnh
27	Võ Văn Sí	1929	Thuận Điền	09/05/1969	Thuận Điền
28	Phạm Kim Tắc	1943	Long Mỹ	08/07/1968	Long Mỹ
29	Võ Văn Tài	1917	Long Mỹ	1971	Long Mỹ
30	Phạm Thị Tám	1943	Tân Thanh	20/03/1971	Mỏ Cày
31	Nguyễn Văn Te	1944	Thuận Điền	1968	Thuận Điền
32	Nguyễn Văn Thận	1945	Châu Hòa	18/07/1963	Châu Hòa
33	Bùi Văn Thành	1944	Châu Hòa	26/08/1963	Châu Hòa
34	Lê Văn Thiện	1947	Lương Phú	01/01/1972	Lương Phú
35	Nguyễn Văn Thuận	1945	Châu Hòa	1963	Châu Hòa
36	Võ Văn Thượng	1922	Châu Hòa	1969	Châu Hòa
37	Nguyễn Văn Trọng	1941	Tân Thanh	22/12/1970	Thuận Điền
38	Đỗ Văn Tư	1945	Châu Hòa	24/08/1968	Châu Bình
39	Phan Văn Xê	1950	Hưng Phong	18/08/1970	Thanh Phú Đông
40	Đặng Văn Y	1936	Hưng Phong	08/10/1970	Châu Thành
	HUYỆN MỎ CÀY				
1	Phan Văn Á	1935	Thành Thới A		
2	Trần Văn Châu		An Định		An Định
3	Lê Văn Còn		Khánh Thạnh Tân		
4	Phạm Quang Dánh	1948	An Định	1971	An Định
5	Trần Văn Đèo		An Định		An Định
6	Phan Văn Đệ	1943	Đa Phước Hội	1971	

7	Huỳnh Thị Bé Em	1952	Cẩm Sơn	1968	
8	Nguyễn Văn Hết		Thanh Tân	1969	
9	Nguyễn Văn Hết	1949	An Định		An Định
10	Đỗ Văn Huỳnh	1942	Thành Thới A		
11	Đoàn Thị Kiều	1947	An Thới	24-7-1968	
12	Nguyễn Văn Luợm	1944	Tân Phú Tây	10/6/1972	
13	Mai Văn Mền	1943	Tân Thành Bình		
14	Lê Thị Bé Năm	1946	Phước Hiệp	1969	
15	Đoàn Văn Nít		An Định		
16	Nguyễn Thị Sinh	1940	Thành Thới A		
17	Lê Thị Sương	1947	Ngãi Đăng	1964	
18	Nguyễn Văn Tài	1943	Tân Thành Bình		
19	Nguyễn Văn Tâm		An Định		
20	Huỳnh Văn Thiên		Bình Khánh	1967	
21	Trương Thị Thơ	1940	Thành Thới A		
22	Nguyễn Văn Tiền	1943	Đa Phước Hội	1969	
23	Nguyễn Văn Tiếp	1944	Thanh Tân	1971	
24	Lê Thị Trâm	1948	Bình Khánh	1967	
25	Lương Văn Tư		An Định		An Định
26	Nguyễn Văn Văn	1949	Thành Thới A		
27	Lê Văn Xem	1939	Hòa Lộc	1970	
28	Nguyễn Văn Xinh	1930	Thành Thới A		
	HUYỆN THANH PHÚ				
1	Nguyễn Văn On	1928	Phú Khánh		
2	Phạm Văn Thôn	1935	Phú Khánh	04/01/1971	An Điền
3	Trần Văn Tròn	1947	Thạnh Phong	1966	An Nhơn
	THỊ XÃ				
1	Nguyễn Văn Tiếp	1944		16/06/1972	

(Danh sách này chưa đầy đủ, còn sai sót về các chi tiết;
mong được nhận thêm các ý kiến đóng góp, bổ sung để hoàn chỉnh)

Ban biên tập

PHỤ LỤC

3. CÁN BỘ, GIÁO VIÊN KHÁNG CHIẾN B.1000 VÀ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

CÁN BỘ, GIÁO VIÊN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ TRỰC THUỘC TIỂU BAN GIÁO DỤC TỈNH (B.1000)

STT	Họ tên	Năm sinh	Quê quán	Ghi chú
1.	Nguyễn Trường Phương (Ba Phương)	1925	Phú Hưng-Thị xã-Bến Tre	Trưởng Tiểu ban
2.	Nguyễn Liêm (Hai Liêm)	1917	Tân Thành Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Trưởng Tiểu ban
3.	Lê Quang Quới (Tur Minh)	1933	Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Phó Tiểu ban
4.	Nguyễn Kim Hồng (Sáu Hồng)	1925	Phú Hưng-Thị xã-Bến Tre	Phó Tiểu ban
5.	Võ Văn Thạnh	1916	Thành Thới-Mỏ Cày-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
6.	Phạm Minh Sách (Tur Sách)	1936	An Hòa Tây-Ba Tri-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
7.	Nguyễn Điền Nhân	1937	Lương Phú-Giồng Trôm-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
8.	Phan Trường Thắng	1937	Thuận Điền-Giồng Trôm-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
9.	Trương Vĩnh Trọng (Hai Nghĩa)	1942	Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
10.	Ngô Hải Phong	1940	Cần Giuộc-Long An	Ủy viên Tiểu ban
11.	Nguyễn Kiên Cường (Thực Hiện)	1935	Thanh Tân-Mỏ Cày-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
12.	Đặng Minh Tâm (Ba Tâm)	1934	Thành An-Mỏ Cày-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
13.	Phan Thị Kim Chi (Lê Thu)	1942	Phú Hưng-Thị xã-Bến Tre	Ủy viên Tiểu ban
14.	Phan Minh Việt	1940	Thuận Điền-Giồng Trôm-Bến Tre	Trưởng Văn phòng
15.	Nguyễn Thanh Nhân (Ba Đức)	1938	Vĩnh Hòa-Ba Tri-Bến Tre	Cán bộ Văn phòng
16.	Trương Duy Cang (Mười Quang)	1933	Khánh Thạnh Tân-Mỏ Cày-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Mỏ Cày
17.	Phạm Văn Bá (Việt Hùng)	1931	An Định-Mỏ Cày-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Mỏ Cày
18.	Nguyễn Đăng Khoa (Chín Khoa)	1939	Tân Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Mỏ Cày Bắc
19.	Bùi Thanh Hùng	1949	An Định-Mỏ Cày-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Mỏ Cày Nam
20.	Nguyễn Thư	1940	Giồng Trôm-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Giồng Trôm
21.	Lê Thiện	1945	Phong Nẫm-Giồng Trôm-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Thạnh Phú

22.	Phạm Công Thuần	1946	Tam Phước-Châu Thành-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Châu Thành
23.	Nguyễn Vũ Tiến	1948	Bình Đại-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Bình Đại
24.	Trần Thanh Sơn	1944	Hưng Khánh Trung-Chợ Lách-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Chợ Lách
25.	Nguyễn Văn Thanh (Tư Thanh)		Ba Tri-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Ba Tri
26.	Lê Phú Tiết		Phước Thạnh-Châu Thành-Bến Tre	Trưởng Phòng GD Thị xã
27.	Nguyễn Đình Phùng (Dũng Tiến)	1937	Đại Điền-Thạnh Phú-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
28.	Võ An Cư (Ba Nhân)	1937	Thành Thới-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2, 3
29.	Đặng Minh Thiên (Văn An)	1937	Định Thủy-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
30.	Trần Văn Tây (Thanh Dũng)	1938	Phước Thạnh-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
31.	Lê Văn Thảo (Bảy Thảo)	1939	Hòa Lộc-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
32.	Ngô Thái Bảo	1939	Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 3
33.	Nguyễn Văn Cẩm (Hai Cẩm)	1939	An Hội-Thị xã-Bến Tre	Giáo viên cấp 3
34.	Lê Trường	1939	Nhuận Phú Tân-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2, 3
35.	Hình Hữu Phước (Thanh Bửu)	1939	Phước Thạnh-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
36.	Huỳnh Công Minh (Bảy Minh)	1940	Tân Thành Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
37.	Huỳnh Thị Nan Huỳnh	1940	Đức Phổ-Quảng Ngãi	Giáo viên cấp 3
38.	Nguyễn Thanh Phương	1941	Phú Hưng-Thị xã-Bến Tre	Giáo viên cấp 2, 3
39.	Nguyễn Kim Hoàng (Tám Hoàng)	1941	Ba Tri-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
40.	Lê Thanh Kiên	1941	Hòa Lộc-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2, 3
41.	Phạm Thị Thu Hà (Minh Thu)	1942	Nhon Thạnh-Thị xã-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
42.	Nguyễn Thị Yến Lan	1942	Bình Thới-Bình Đại-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
43.	Đặng Thị Mai Phương	1942	Hòa Lộc-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
44.	Trần Văn Chương (Thương Phương)	1942	Lương Phú-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
45.	Ngọc Thi	1942		Giáo viên cấp 2

46.	Nguyễn Toàn	1942	Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
47.	Nguyễn Chín Thanh	1942	An Thới-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
48.	Nguyễn Thị Nga	1942	Phước Hiệp-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
49.	Huyền Thanh	1942	Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
50.	Bùi Văn Chiến (Hoài Bảo)	1943	Bình Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
51.	Võ Văn Ai (Huỳnh Minh)	1943	Nhuận Phú Tân-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
52.	Nguyễn Văn Trân (Hai Nguyễn)	1943	Định Thủy-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
53.	Hồ Thanh Tuyền (Hoài Thanh)	1943	An Định-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
54.	Nguyễn Thị Hồng Gấm (Trúc Phương)	1943	Phước Thạnh-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
55.	Nguyễn Thị Phương Mai	1943	Mỹ Thạnh-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
56.	Trần Ái Việt	1943	Long Mỹ-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
57.	Bùi Văn Thành (Ba Thành)	1944	Châu Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
58.	Phạm Ngọc Yến (Bích Ngọc)	1944	Bình Khánh-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
59.	Nguyễn Thị Vân (Tám Vân)	1944	Lương Phú-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
60.	Trần Văn Ngọc (Diệp An)	1944	Ô Môn-Cần Thơ	Giáo viên cấp 2
61.	Hồ Ngọc Sương (Thu Huyền)	1945	Sơn Phú-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
62.	Ca Vĩnh Phước (Tur Vũ)	1945	Tân Thành Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
63.	Lê Ngọc Tân (Mười Thanh)	1945	Châu Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
64.	Lê Nam Hùng	1945	Tân Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
65.	Bùi Thị Nguyệt (Vũ Hòa)	1946	Hòa Lộc-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
66.	Nguyễn Thị Nhi (Thanh Hải)	1946	Phú Hưng-Thị xã Bến Tre	Giáo viên cấp 2
67.	Nguyễn Thị Hồng Tâm	1946	Tân Thành Bình-Mỏ Cày-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
68.	Phạm Tường Vân (Hoàng Dũng)	1946	Nhon Thạnh-Thị xã-Bến Tre	Giáo viên cấp 2

69.	Huỳnh Văn Dặc (Phong Trần)	1946	Mỹ Nhơn-Ba Tri-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
70.	Nguyễn Thị Thu Hằng	1946	An Định-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
71.	Võ Thanh Nghị	1947	Thành Thới-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
72.	Nguyễn Thị Huỳnh Anh (Xuân Mai)	1947	Phủ Túc-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
73.	Nguyễn Thu Nguyễn	1947	Lương Quới-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
74.	Võ Thị Kim Thoa	1947	Lương Hòa-Giồng Trôm-Bến Tre	Giáo viên cấp 2, 3
75.	Võ Hoàng Thiên	1947	Thới Thạnh-Thạnh Phú-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
76.	Nguyễn Văn Quang (Kiên Tâm)	1948	Hưng Khánh Trung-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
77.	Nguyễn Hồng Văn	1948	Thành Thới-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
78.	Nguyễn Thanh Sơn	1948	An Định-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
79.	Nguyễn Hải Bằng	1948	Mỹ Chánh Hòa-Ba Tri-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
80.	Trần Thị Ngọc Diệu	1948	Hữu Định-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
81.	Võ Thị Hồng Thu	1948	An Định-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
82.	Hồ Thị Hồng Nhung	1948	Tam Phước-Châu Thành-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
83.	Nguyễn Văn Mênh (Bảy Phúc)	1949	Tân Bình-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
84.	Nguyễn Xuân Trường	1950	Phủ Hưng-Thị xã-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
85.	Nguyễn Thanh Quang (Bảy Nở)	1950	Thành An-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
86.	Nguyễn Thị Thu Thủy	1950	An Định-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
87.	Vũ Hồng Thanh	1950	An Định-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
88.	Nguyễn Thị Thanh Hải	1950	Ba Tri-Bến Tre	Giáo viên cấp 2
89.	Nguyễn Thị Pha	1950	Bình Khánh-Mỏ Cây-Bến Tre	Giáo viên cấp 2

90.	Lê Thị Giềng (Út Giềng)	1951	Phước Hiệp-Mỏ Cày- Bến Tre	Giáo viên cấp 2
91.	Trương Minh Hồng	1951	Bình Hòa-Giồng Trôm- Bến Tre	Giáo viên cấp 2
92.	Phạm Minh Tâm	1954	Bình Hòa-Giồng Trôm- Bến Tre	Giáo viên cấp 2

CÁN BỘ, GIÁO VIÊN KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TT	Họ tên	Bí danh	Năm sinh	Quê quán
	HUYỆN BÌNH ĐẠI			
1	Phan Văn Thạch		1956	Thới Thuận
	HUYỆN BA TRI			
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1946	An Hòa Đông
2	Nguyễn Ngọc Dung		1949	Vĩnh An
3	Nguyễn Minh Lý		1952	Vĩnh Hòa
4	Lê Thị Ngân		1951	Mỹ Hòa
5	Nguyễn Thanh Sơn		1945	Tân Thủy
	HUYỆN CHÂU THÀNH			
1.	Lao Văn Bé		1940	Phú Túc
2.	Đỗ Thị Bính		1948	Tam Phước
3.	Nguyễn Thị Kim Cúc		1941	Tường Đa
4.	Phan Thị Hồng Cúc		1947	Phước Thạnh
5.	Lê Hoàng Dung		1955	Phú An Hòa
6.	Huỳnh Thị Việt Hồng		1950	Tân Thạch
7.	Nguyễn Tấn Huỳnh		1942	Phú Túc
8.	Huỳnh Thị Lợi		1950	Tam Phước
9.	Nguyễn Hữu Phước		1956	
10.	Nguyễn Thị Kim Phượng		1943	Hữu Định
11.	Nguyễn Văn Song		1944	

12.	Võ Việt Thanh		1938	Phước Thạnh
13.	Trúc Phương			Phước Thạnh
14.	Nguyễn Văn Thường		1945	Hữu Định
15.	Lương Thị Tươi		1937	An Khánh
16.	Phan Thị Thu Vân		1949	Tường Đa
	HUYỆN CHỢ LÁCH			
1.	Hà Văn An		1951	Hưng Khánh Trung
2.	Trần Văn Ba		1948	Hưng Khánh Trung
3.	Hà Văn Bảy		1943	Hưng Khánh Trung
4.	Huỳnh Văn Bé		1946	Hưng Khánh Trung
5.	Võ Văn Bền		1954	Hưng Khánh Trung
6.	Nguyễn Văn Cành		1956	Hưng Khánh Trung
7.	Nguyễn Phương Châm		1950	Hưng Khánh Trung
8.	Lê Văn Chăng		1942	Hưng Khánh Trung
9.	Bùi Quang Chiêu		1938	Hưng Khánh Trung
10.	Trần Thị Chói		1956	Hưng Khánh Trung
11.	Nguyễn Văn Cừ		1955	Hưng Khánh Trung
12.	Huỳnh Văn Đạt		1940	Hưng Khánh Trung
13.	Nguyễn Văn Đắc		1940	Hưng Khánh Trung
14.	Nguyễn Thị Dèo		1954	Hưng Khánh Trung
15.	Nguyễn Văn Diệp		1955	Hưng Khánh Trung
16.	Nguyễn Văn Đơn		1948	Hưng Khánh Trung
17.	Nguyễn Văn Được		1947	Hưng Khánh Trung
18.	Huỳnh Thị Em		1956	Hưng Khánh Trung
19.	Nguyễn Văn Hải		1954	Hưng Khánh Trung
20.	Nguyễn Văn Hạng		1948	Hưng Khánh Trung
21.	Lê Thị Hạnh		1948	Hưng Khánh Trung
22.	Trần Thị Hạnh		1942	Hưng Khánh Trung
23.	Nguyễn Văn Hậu		1938	Hưng Khánh Trung
24.	Nguyễn Văn Hồ		1944	Hưng Khánh Trung
25.	Lê Thị Hồng		1954	Hưng Khánh Trung
26.	Nguyễn Thị Húng		1953	Hưng Khánh Trung
27.	Đinh Văn Huyền		1940	Hưng Khánh Trung
28.	Huỳnh Thế Lâm		1954	Hưng Khánh Trung
29.	Nguyễn Thị Liên		1949	Hưng Khánh Trung
30.	Võ Thị Liệp		1946	Hưng Khánh Trung

31.	Dương Thị Minh		1947	Hưng Khánh Trung
32.	Lê Bình Minh		1945	Hưng Khánh Trung
33.	Trần Thị Nghi		1954	Hưng Khánh Trung
34.	Trần Thị Ngót		1956	Hưng Khánh Trung
35.	Trần Thị Hoàng Nương		1956	Hưng Khánh Trung
36.	Trần Hoàng Phong		1954	Hưng Khánh Trung
37.	Trần Thanh Phong		1954	Hưng Khánh Trung
38.	Lâm Thị Phú		1948	Hưng Khánh Trung
39.	Đặng Thanh Phúc		1951	Hưng Khánh Trung
40.	Lê Kim Sang		1943	Hưng Khánh Trung
41.	Đỗ Văn Sao		1946	Hưng Khánh Trung
42.	Nguyễn Thị Sét		1949	Hưng Khánh Trung
43.	Nguyễn Văn Song		1944	Hưng Khánh Trung
44.	Trần Văn Tám		1947	Hưng Khánh Trung
45.	Lê Hữu Tạo		1930	Hưng Khánh Trung
46.	Đặng Công Thành		1948	Hưng Khánh Trung
47.	Nguyễn Văn Thành		1947	Hưng Khánh Trung
48.	Trần Thị Trung Thành		1949	Hưng Khánh Trung
49.	Trần Trung Thành		1941	Hưng Khánh Trung
50.	Huỳnh Thị Thệ		1937	Hưng Khánh Trung
51.	Nguyễn Ngọc Thi		1955	Hưng Khánh Trung
52.	Nguyễn Thị Thu		1955	Hưng Khánh Trung
53.	Trần Văn Thuần		1940	Hưng Khánh Trung
54.	Nguyễn Thị Thủy		1948	Hưng Khánh Trung
55.	Mai Thị Tiếp		1948	Hưng Khánh Trung
56.	Bùi Văn Tính		1945	Hưng Khánh Trung
57.	Nguyễn Thị Trà		1954	Hưng Khánh Trung
58.	Nguyễn Văn Trạch		1943	Hưng Khánh Trung
59.	Ngô Văn Triều		1938	Hưng Khánh Trung
60.	Nguyễn Văn Trứng		1953	Hưng Khánh Trung
61.	Huỳnh Thanh Tùng		1934	Hưng Khánh Trung
62.	Trần Thị Tự		1956	Hưng Khánh Trung
63.	Võ Văn Út		1956	Hưng Khánh Trung
64.	Ngô Kim Xoàng		1949	Hưng Khánh Trung
65.	Nguyễn Thị Xuân		1952	Hưng Khánh Trung
66.	Nguyễn Thị Xuân		1950	Hưng Khánh Trung

	HUYỆN GIỒNG TRÔM			
1.	Võ Thị Á		1947	Long Mỹ
2.	Lê Thị Kim Anh		1945	Bình Hòa
3.	Nguyễn Thị Ngọc Anh		1949	Mỹ Thạnh
4.	Phan Văn Ánh		1941	Thuận Điền
5.	Huỳnh Kim Ân		1934	Châu Hòa
6.	Lê Thị Bon		1945	Long Mỹ
7.	Lê Ngọc Cẩn		1918	Phước Long
8.	Nguyễn Văn Chà		1933	Long Mỹ
9.	Phan Chiến		1942	Phước Long
10.	Nguyễn Văn Chót		1942	Hưng Lễ
11.	Võ Thị Kim Chung		1952	Long Mỹ
12.	Nguyễn Văn Cộ		1957	Thạnh Phú Đông
13.	Dương Thị Cưu		1942	Lương Quới
14.	Nguyễn Thị Thanh Cưu		1938	Lương Quới
15.	Nguyễn Văn Dụng		1941	Châu Hòa
16.	Nguyễn Văn Dũng		1921	Thuận Điền
17.	Lê Thị Đẹp		1947	Long Mỹ
18.	Trần Văn Độ		1945	Phước Long
19.	Trần Văn Đòn		1942	Thuận Điền
20.	Dương Thị Đủ		1944	Lương Hòa
21.	Trần Thị Hồng Gấm		1942	
22.	Dương Thị Xuân Hảo		1940	Lương Hòa
23.	Lê Thị Hào		1940	Thuận Điền
24.	Nguyễn Thị Hiền		1952	Châu Hòa
25.	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		1945	Long Mỹ
26.	Dương Thị Hiệp		1947	Châu Hòa
27.	Đặng Văn Hoàng		1949	Lương Phú
28.	Hồ Thị Hoàng		1954	Hưng Lễ
29.	Nguyễn Tuyết Huệ		1945	Châu Hòa
30.	Lưu Văn Khiết		1956	Hưng Lễ
31.	Lê Văn Kiệt		1955	Thạnh Phú Đông
32.	Đỗ Thị Lai		1947	Thuận Điền
33.	Nguyễn Thị Xuân Lan		1948	Châu Hòa
34.	Châu Hóa Liêm		1921	Bình Hòa

35.	Nguyễn Thị Liên		1941	Lương Hòa
36.	Phạm Thị Minh Liên		1944	Mỹ Thạnh
37.	Nguyễn Văn Lợi		1937	Châu Hòa
38.	Nguyễn Thị Lựu		1940	Châu Hòa
39.	Phạm Thị Thanh Mai		1947	Thuận Điền
40.	Nguyễn Văn Mãnh		1945	Phong Năm
41.	Nguyễn Thị Minh		1943	Lương Quới
42.	Nguyễn Thị Mua		1955	Thanh Phú Đông
43.	Nguyễn Thị Mừng		1954	Thanh Phú Đông
44.	Nguyễn Hữu Nghiêm		1942	Long Mỹ
45.	Nguyễn Thị Nguễn		1944	Lương Hòa
46.	Kim Hồng Nguyệt		1950	Phước Long
47.	Võ Thị Nhân		1950	Châu Hòa
48.	Bùi Quang Nho		1939	Thuận Điền
49.	Nguyễn Khương Ninh		1950	Long Mỹ
50.	Nguyễn Thị Nữa		1945	Lương Phú
51.	Nguyễn Thị Phấn		1947	Long Mỹ
52.	Nguyễn Thị Phi		1947	Thuận Điền
53.	Trần Thị Ráp		1945	Châu Hòa
54.	Nguyễn Thị Ren		1950	Thuận Điền
55.	Hồ Thị Rí		1948	Lương Hòa
56.	Dương Văn Rốt		1949	Phước Long
57.	Lê Văn Sang		1947	Hưng Phong
58.	Phan Văn Se		1950	Phước Long
59.	Đỗ Văn Sét		1945	Long Mỹ
60.	Phạm Thị Sương		1948	Phước Long
61.	Nguyễn Kim Thanh		1928	Sơn Phú
62.	Lê Thị Thảo		1945	Lương Hòa
63.	Nguyễn Văn The		1950	Lương Phú
64.	Nguyễn Văn Thiện		1939	Tân Hào
65.	Nguyễn Thị Kim Thới		1952	Lương Quới
66.	Nguyễn Minh Thủy		1949	Long Mỹ
67.	Nguyễn Thị Thu Thủy		1943	Long Mỹ
68.	Võ Thanh Thủy		1951	Lương Hòa
69.	Bùi Thị Ngọc Thúy		1953	
70.	Lê Thị Thúy		1954	Phước Long

71.	Nguyễn Trinh		1947	Lương Quới
72.	Nguyễn Thị Tuyết		1951	Phước Long
73.	Đặng Thị Bé Tư		1957	Thanh Phú Đông
74.	Trần Văn Tước		1938	
75.	Lê Văn Tường		1940	Châu Hòa
76.	Nguyễn Thị Út		1951	Phước Long
77.	Nguyễn Văn Út		1948	Long Mỹ
78.	Đỗ Quang Văn		1939	Thanh Phú Đông
79.	Lê Thị Xuân Vân		1939	Long Mỹ
80.	Trần Hoàn Ve		1944	Phước Long
81.	Nguyễn Văn Ven		1945	Lương Quới
82.	Lê Hữu Việt		1949	Tân Hào
83.	Nguyễn Thị Xem		1958	Long Mỹ
84.	Nguyễn Văn Xê		1945	Long Mỹ
85.	Võ Thị Xiết		1942	Thuận Điền
86.	Nguyễn Ngọc Xoàn		1942	Phước Long
87.	Lê Văn Xường		1939	Châu Hòa
88.	Phạm Song Yển		1935	Phước Long
	HUYỆN MỎ CÀY			
1.	Dương Thị Kim Anh	Vũ Mai		An Định
2.	Nguyễn Bé Ba	Vũ Phương		An Định
3.	Nguyễn Thị Bé Ba	Thảo Phương		An Định
4.	Nguyễn Thị Ba			An Định
5.	Trần Thị Ba			An Định
6.	Võ Thị Ba	Minh Trí		An Định
7.	Nguyễn Thị Túy Ba	Tuyết Mai		An Định
8.	Đoàn Văn Ba			An Định
9.	Lê Văn Bá		1953	Thành Thới B
10.	Ngô Thái Bảo		1945	
11.	Đặng Văn Bảy	Quốc Trung		An Định
12.	Bảy Be	Thanh Điền		Khánh Thạnh Tân
13.	Phan Thị Bé		1948	An Thạnh
14.	Trương Thị Bé		1946	Bình Khánh Tây
15.	Đoàn Văn Bé	Tư Tân		Khánh Thạnh Tân
16.	Đỗ Văn Bé		1952	Thành Thới A
17.	Nguyễn Văn Bé	Vũ Sinh		An Định

18.	Lê Phú Bi			An Định
19.	Võ Thị Bí	Thanh Liên		An Định
20.	Hồ Văn Bườn	Sáu Hoàng		Khánh Thạnh Tân
21.	Lê Văn Chà			An Định
22.	Lê Văn Chai	Chí Trung		An Định
23.	Bùi Văn Châu	Sơn Hùng		An Định
24.	Nguyễn Văn Châu		1944	An Thới
25.	Trần Văn Châu	Hai Chí		An Định
26.	Lê Văn Còn	Thanh Hải		Khánh Thạnh Tân
27.	Nguyễn Thị Kim Cúc			An Định
28.	Nguyễn Thị Cúc	Huỳnh Liên		An Định
29.	Nguyễn Văn Cừ	Hà Giang	1948	An Định
30.	Dương Văn Dạ	Mười Tâm		An Định
31.	Bùi Văn Danh			An Định
32.	Phạm Quang Dánh	Thanh Giang		An Định
33.	Nguyễn Văn Dinh	Nam Minh		Khánh Thạnh Tân
34.	Phan Ngọc Dung	Thu Dung		An Định
35.	Nguyễn Thị Ngọc Dung		1955	An Thới
36.	Nguyễn Trung Dung	Sáu Tiến		An Định
37.	Lê Văn Dùng	Thanh Hùng		Khánh Thạnh Tân
38.	Nguyễn Thị Dứt	Thu Trang		An Định
39.	Nguyễn Văn Đa	Công Thành		Khánh Thạnh Tân
40.	Nguyễn Thị Đào		1944	Phước Hiệp
41.	Trần Thị Đăng			An Định
42.	Trần Văn Đèo	Quyết Thắng		An Định
43.	Võ Thị Đẹp		1948	Định Thủy
44.	Nguyễn Ngọc Diễm		1950	Định Thủy
45.	Võ Văn Diễm		1926	Minh Đức
46.	Nguyễn Thanh Đính		1947	Tân Trung
47.	Nguyễn Thị Đính		1947	Tân Trung
48.	Trần Xuân Độ	Sáu Bình		An Định
49.	Lê Văn Đơ	Nghĩa Hiệp		Khánh Thạnh Tân
50.	Nguyễn Thị Dờ			An Định
51.	Mai Văn Dời		1955	An Thạnh
52.	Nguyễn Văn Đức			An Định
53.	Trần Văn Đức	Vũ Thanh		An Định

54.	Nguyễn Thị Em			An Định
55.	Nguyễn Văn Em	Tân Phương		An Định
56.	Đinh Thị Ê		1940	An Thới
57.	Trần Thị Già	Thanh Minh		Khánh Thạnh Tân
58.	Lê Văn Giác		1913	Thành An
59.	Phạm Văn Giải			Khánh Thạnh Tân
60.	Nguyễn Thị Giúp			An Định
61.	Liêu Văn Góp			An Định
62.	Nguyễn Thị Hai	Tiến		Khánh Thạnh Tân
63.	Phạm Văn Hai			An Định
64.	Nguyễn Văn Hải		1949	An Thới
65.	Hồ Hồng Hào		1942	Minh Đức
66.	Đinh Thị Hên		1940	An Thới
67.	Nguyễn Văn Hết	Hoàng Dũng		An Định
68.	Di Tư Hiến			An Định
69.	Văn Công Hiến		1968	Mỏ Cày
70.	Nguyễn Quốc Hiệp	Thành Khản		An Định
71.	Lê Văn Hiệp		1953	Cầm Sơn
72.	Cô Hoa			An Định
73.	Lê Ngọc Hoàng		1938	Minh Đức
74.	Võ Thị Hoàng		1950	An Thới
75.	Nguyễn Thị Hồng	Vũ Tiến		Khánh Thạnh Tân
76.	Lê Xuân Hồng		1947	Hòa Lộc
77.	Nguyễn Văn Huân	Nhật Minh		Khánh Thạnh Tân
78.	Nguyễn Thị Huệ		1956	Bình Khánh
79.	Đào Công Huyền		1954	Cầm Sơn
80.	Hai Huyền	Hai Dân		Khánh Thạnh Tân
81.	Quảng Trọng Huyết	Việt Hùng		An Định
82.	Đào Sĩ Hưng	Thanh Sơn		Khánh Thạnh Tân
83.	Nguyễn Thị Hườn	Hồng Vân	1947	An Định
84.	Võ Kỳ Hương		1941	Cầm Sơn
85.	Phạm Thị Hương		1947	Thạnh Ngãi
86.	Nguyễn Thị Thu Hương		1943	Bình Khánh
87.	Nguyễn Thị Tuyết Hương		1954	Bình Khánh Tây
88.	Nguyễn Văn Kha		1953	Tân Bình

89.	Nguyễn Thị Khen			An Định
90.	Lữ Văn Khoa		1958	Phước Hiệp
91.	Trương Thị Khỏa	Thu Vân		An Định
92.	Lê Phú Khởi	Thanh Sơn		An Định
93.	Nguyễn Văn Kích		1921	An Thới
94.	Lê Thị Kiệp			An Định
95.	Huỳnh Văn Kiệt	Quốc Trung		An Định
96.	Đinh Thị Kim			An Định
97.	Trần Thị Kim			An Định
98.	Đoàn Văn Kỵ	Lê Sinh		Khánh Thạnh Tân
99.	Lục Thị Lạc			An Định
100.	Nguyễn Thị Lan	Kim Loan		An Định
101.	Nguyễn Thị Lan			An Định
102.	Nguyễn Thị Lan	Thanh Liêm		An Định
103.	Huỳnh Thị Lâm	Minh Thủy		An Định
104.	Lương Thị Lập			An Định
105.	Huỳnh Văn Lầu	Ba Tâm		An Định
106.	Võ Thị Lễ	Thanh Tuyết	1949	An Định
107.	Bùi Thị Lệ		1944	Đa Phước Hội
108.	Lê Thị Thanh Liêm		1942	Phước Hiệp
109.	Nguyễn Thị Kim Liên		1952	An Thạnh
110.	Nguyễn Hưng Long		1921	Tân Trung
111.	Nguyễn Văn Lộ		1945	Thành Thới A
112.	Lê Văn Lộc			An Định
113.	Lương Thị Lùng		1950	An Thới
114.	Lữ Ngọc Lực		1947	Thành Thới A
115.	Phạm Thị Mai	Thanh Sơn		Khánh Thạnh Tân
116.	Lê Phú Mạnh			An Định
117.	Nguyễn Thị Mèo			An Định
118.	Trần Thị Mến		1954	An Thới
119.	Trần Thanh Minh		1949	Phước Hiệp
120.	Bùi Văn Minh	Ba Dũng		An Định
121.	Trương Văn Mính			Vĩnh Hòa
122.	Nguyễn Thị Mới		1945	Cẩm Sơn
123.	Trịnh Văn Mười		1954	Nhuận Phú Tân
124.	Lê Văn My	Thanh Cao		An Định

125.	Trần Văn Nam	Thanh Châu		Khánh Thạnh Tân
126.	Phạm Thị Năng			An Định
127.	Lê Thị Nền	Chí Tâm		An Định
128.	Nguyễn Thị Nền	Minh Nguyệt		Vĩnh Trị
129.	Nguyễn Ngọc Nga		1946	Minh Đức
130.	Huỳnh Thị Thanh Nga	Tuyết Vân		An Định
131.	Huỳnh Thị Tuyết Nga			An Định
132.	Hai Nhạn	Thắng Lợi		Khánh Thạnh Tân
133.	Nguyễn Thị Nhen		1952	An Thạnh
134.	Nguyễn Thị Nhiều		1949	An Thới
135.	Nguyễn Thị Nhu	Mai Hồng		Khánh Thạnh Tân
136.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung		1955	Khánh Thạnh Tân
137.	Đoàn Văn Nít			An Định
138.	Huỳnh Thị Nổi	Thanh Thủy		An Định
139.	Nguyễn Văn Nổi	Sáu Hồng		Khánh Thạnh Tân
140.	Phan Văn Paul	Lê Hùng		An Định
141.	Hồ Thị Phỉ	Minh Hòa	1949	An Định
142.	Nguyễn Thanh Phong		1957	Phước Hiệp
143.	Phan Văn Phong	Năm Phong		An Định
144.	Đặng Thanh Phúc	Minh Phúc		An Định
145.	Phan Thị Kim Phụng		1952	Đa Phước Hội
146.	Hồ Hữu Phước	Năm Thanh		An Định
147.	Huỳnh Hữu Phước		1956	Thành An
148.	Nguyễn Văn Phước			Khánh Thạnh Tân
149.	Đặng Lan Phương		1948	Minh Đức
150.	Hồ Minh Quang	Ba Vũ	1946	An Định
151.	Nguyễn Văn Quang	Thanh Long		An Định
152.	Lữ Văn Quảng	Minh Thành		Khánh Thạnh Tân
153.	Trần Văn Quẹo	Lê Sơn		An Định
154.	Nguyễn Văn Quyền			An Định
155.	Nguyễn Thị Rắn		1952	Phước Hiệp
156.	Nguyễn Thị Răng	Quyết Tâm		An Định
157.	Nguyễn Thị Rây			An Định
158.	Vô Thị Ren		1951	Minh Đức
159.	Nguyễn Văn Rếp	Nguyễn Sơn	1945	An Định
160.	Đoàn Văn Rết			An Định

161.	Lê Văn Rô	Lê Ba		Khánh Thạnh Tân
162.	Phạm Văn Rở		1952	Phước Hiệp
163.	Lê Văn Sang		1947	Mỏ Cày
164.	Huỳnh Thị Sánh		1949	An Thới
165.	Huỳnh Thị Sáu		1947	Bình Khánh
166.	Nguyễn Văn Sáu	Thanh Tùng	1945	An Định
167.	Đoàn Thị So			An Định
168.	Huỳnh Văn Suông	Vạn Xuân		Khánh Thạnh Tân
169.	Nguyễn Thị Sứ	Thu Thủy		Khánh Thạnh Tân
170.	Nguyễn Thị Lệ Sương		1955	Mỏ Cày
171.	Nguyễn Thị Ngọc Sương		1948	Định Thủy
172.	Lê Văn Tám		1948	Thành Thới B
173.	Lê Phú Tâm	Thanh Hải		An Định
174.	Nguyễn Văn Tâm			An Định
175.	Đoàn Thị Tèo		1946	An Thới
176.	Lý Thị Thà			An Định
177.	Đinh Thị Thanh		1946	Đa Phước Hội
178.	Nguyễn Duy Thanh		1944	An Thới
179.	Quảng Thị Thanh			An Định
180.	Lê Phú Thành	Sơn Hải	1945	An Định
181.	Võ Thị Thảo	Kim Thanh		An Định
182.	Nguyễn Thị Thay	Thanh Liễu		An Định
183.	Nguyễn Văn Thiện		1944	Thành Thới B
184.	Quảng Trọng Thới		1936	An Thới
185.	Cao Thị Thu	Quốc Hương		An Định
186.	Phan Thị Thu			An Định
187.	Quảng Thị Thu			An Định
188.	Ngô Phước Thuận		1940	An Thới
189.	Trần Văn Thuận		1949	An Thạnh
190.	Ngô Thị Thương			An Định
191.	Lê Văn Thương		1944	An Thới
192.	Huỳnh Văn Tích			An Định
193.	Nguyễn Thị Tiến		1940	An Thạnh
194.	Trần Thị Tiến		1951	An Thới
195.	Nguyễn Văn Tiệp			An Định
196.	Lê Văn Tiều		1956	Khánh Thạnh Tân

197.	Trương Văn Tín	Thu Giang		An Định
198.	Bùi Thanh Tòng	Phi Long		An Định
199.	Lê Thị Trăn	Minh Tâm		An Định
200.	Đỗ Hữu Trí		1953	Thành Thới A
201.	Trương Văn Trí	Bảy Văn		Khánh Thạnh Tân
202.	Nguyễn Thị Triền		1955	Định Thủy
203.	Nguyễn Thanh Triết	Nguyễn Thanh		An Định
204.	Nguyễn Minh Triều		1946	An Thới
205.	Lê Phú Trinh	Lê Thanh	1944	An Định
206.	Nguyễn Ngọc Trong		1959	Phước Hiệp
207.	Ngô Thị Trung		1946	Hương Mỹ
208.	Lê Thị Truyền			An Định
209.	Lê Văn Trứ	Lê Tân		An Định
210.	Phạm Văn Tuấn			An Định
211.	Đoàn Thị Tuyết		1948	Tân Bình
212.	Trần Thị Tuyết			An Định
213.	Trần Thị Tư			An Định
214.	Đỗ Văn Tư		1923	Bình Khánh Đông
215.	Lương Văn Tư			An Định
216.	Hồ Thị Tươi	Minh Tuyết	1951	An Định
217.	Nguyễn Thị Tươi	Thu Tiên		Khánh Thạnh Tân
218.	Bà Út	vợ ông Mười Quang		Vĩnh Hòa
219.	Trần Văn Út			An Định
220.	Huỳnh Thị Bích Vân		1947	Minh Đức
221.	Lê Thị Vân (Bọ)	Hồng Vân		An Định
222.	Nguyễn Thị Vân	Hoài Thu		An Định
223.	Lê Văn Ve			An Định
224.	Lê Văn Vẽ	Thanh cảnh		Khánh Thạnh Tân
225.	Dương Văn Viên	Tấn Vân		An Định
226.	Nguyễn Văn Vui			An Định
227.	Nguyễn Thị Xanh		1953	Thành Thới A
228.	Nguyễn Thị Xem	Chí Tâm	1949	An Định
229.	Trương Thị Xê	Ngọc Liên		Khánh Thạnh Tân
230.	Lê Phú Xích			An Định
231.	Lê Thị Xiêm		1957	Phước Hiệp

232.	Dương Thị Xoàn	Quyết Tâm		Khánh Thanh Tân
233.	Huỳnh Văn Xuân	Minh Bằng		An Định
234.	Đỗ Văn Y		1956	Thành Thới A
235.	Nguyễn Thị Yên		1932	Hòa Lộc
236.	Hồ Kim Yến			An Định
	THỊ XÃ			
1.	Nguyễn Thị Châu		1953	Mỹ Thạnh An
2.	Võ Văn Chín		1943	Phú Hưng
3.	Nguyễn Văn Hai		1942	Phú Khương
4.	Võ Thị Xinh		1949	Nhơn Thạnh

*(Danh sách này chưa đầy đủ, còn sai sót về các chi tiết;
mong được nhận thêm các ý kiến đóng góp, bổ sung để hoàn chỉnh)*

Ban biên tập

PHỤ LỤC

4. NHÀ GIÁO ƯU TÚ

CÁC NHÀ GIÁO ƯU TÚ

TT	Họ tên	Năm sinh	Quê quán	Năm phong tặng	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Tăng Đức Sang	1945	Long Mỹ-Giồng Trôm	1986	Giáo viên Trường THCS Sơn Đông-Thị xã Bến Tre
2	Phan Minh Việt	1940	Thuận Điền-Giồng Trôm	1997	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre
3	Nguyễn Kiên Cường	1935	Thanh Tân-Mỏ Cày	1997	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre
4	Phan Ngọc Đăng	1937	Thới Thuận-Bình Đại	1997	Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bến Tre
5	Võ Duy Từ	1956	Bình Hòa-Giồng Trôm	1997	Hiệu trưởng Trường TH Thị Trấn Giồng Trôm
6	Nguyễn Thị Kim Cúc		Thành Triệu-Châu Thành	1997	Hiệu trưởng Trường THPT BC Thị Xã.
7	Nguyễn Thị Túy Y	1955	Thị xã Bến Tre	1997	Hiệu trưởng Trường MG Tuổi Thơ-Thị xã Bến Tre
8	Thái Thị Kim Phụng	1947	Tân Uyên-Bình Dương	1997	Giáo viên Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
9	Huỳnh Thị Nhỏ	1941	An Đức-Ba Tri	1997	Giáo viên Trường SPTH Cấp 2 Thị Xã.
10	Nguyễn Đình Phùng	1937	Phú Khánh-Thạnh Phú	1997	Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
11	Nguyễn Thanh Phương	1941	Phú Hưng-Thị xã Bến Tre	1998	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre.
12	Nguyễn Thạc San	1952	Đình Bàn-Hà Bắc-Hà Nội	1998	Chủ Nhiệm Khoa Trường CDSP Bến Tre.
13	Trần Minh Quới	1947	An Định-Mỏ Cày	1998	Giáo viên Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu.
14	Nguyễn Thị Lệ Thu	1961	Thị xã Bến Tre	2000	Giáo viên Trường MG Phường 2-Thị xã Bến Tre.
15		1947	Tân Thanh-	2000	Hiệu trưởng Trường

	Nguyễn Thị Kim Anh		Giồng Trôm		TH Tân Thanh-Giồng Trôm
16	Trương Thị Xinh	1950	Thị trấn Thanh Phú	2000	Phó Hiệu trưởng Trường TH Thanh Phú
17	Lê Minh Tâm	1953	Thị xã Bến Tre	2002	Giáo viên Trường THPT Bến Tre.
18	Lương Nhân	1950	Quảng Nam	2002	Hiệu trưởng Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu.
19	Nguyễn Văn Ba	1943	Thị Xã Bến Tre	2002	Hiệu trưởng Trường THCS Lương Hòa-Giồng Trôm
20	Trần Thị Phùng Nhi	1959	Tiên Thủy-Châu Thành	2002	Hiệu trưởng Trường THCS An Hiệp-Châu Thành
21	Đỗ Tấn Thọ	1955	Phú Thuận-Bình Đại	2002	Hiệu trưởng Trường THCS Long Định-Bình Đại
22	Phạm Kim Tuyền	1954	Sơn Định-Chợ Lách	2002	Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo Chợ Lách
23	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	1962	Tân Thanh-Giồng Trôm	2002	Hiệu trưởng Trường TH Bình Thành 2-Giồng Trôm
24	Tăng Văn Dom	1948	Mỹ Thạnh-Giồng Trôm	2006	Giáo viên Trường THPT Bến Tre.
25	Lê Khắc Hoài Thanh	1954	Vang Quới Đông-Bình Đại	2006	Giáo viên Trường THPT Lê Quý Đôn-Bình Đại
26	Nguyễn Thị Tuyết	1952	Phú Khánh-Thạnh Phú	2006	Giáo viên Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu
27	Trần Thị Xuân Mai	1957	Thị Xã Bến Tre	2006	Giáo viên Trường THCS Vĩnh Phúc-Thị xã Bến Tre
28	Nguyễn Thanh Nguyệt	1953	Tân Xuân-Ba Tri	2006	Phó Hiệu trưởng Trường Chính Trị tỉnh Bến Tre
29	Lê Ngọc Sên	1948	Bình Đức-Long An	2008	Giáo viên Trường TPHT Nguyễn Đình Chiểu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I đến lần thứ IX của Đảng.
2. Các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 (khóa VII), lần thứ 2 (khóa VIII); Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khóa IX); các Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương có nội dung liên quan.
3. Nghị quyết của Bộ Chính trị về Cải cách giáo dục (lưu hành nội bộ), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội-1979.
4. Hiến pháp năm 1992.
5. Luật giáo dục năm 1998, 2005.
6. Luật phổ cập giáo dục tiểu học.
7. Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.
8. 70 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2000), Thông tấn xã Việt Nam, Hà Nội-2001.
9. Chính phủ Việt Nam (1945-2000), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội-2000.
10. Hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật ngành Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội-2001.
11. Hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật về Giáo dục-Đào tạo (Mầm non, Phổ thông, Trung học chuyên nghiệp, Giáo dục không chính qui), Nhà xuất bản Giáo dục-2000.
12. Hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật về Giáo dục-Đào tạo (Sau đại học, Đại học, Cao đẳng), Nhà xuất bản Giáo dục-2000.
13. Hệ thống hóa văn bản qui phạm pháp luật về Giáo dục-Đào tạo (Mầm non, Phổ thông, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề), Nhà xuất bản Giáo dục-1998.
14. Các văn bản pháp qui về Giáo dục-Đào tạo (Mầm non, Phổ thông, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề), Nhà xuất bản Giáo dục-1996.
15. Các văn bản pháp qui về Giáo dục-Đào tạo (Đại học, Giáo dục thường xuyên), Nhà xuất bản Giáo dục-1996.
16. Các văn bản chủ yếu về sắp xếp tổ chức, biên chế trường học, Hà Nội-1992.
17. 50 năm phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (1945-1995), Nhà xuất bản Giáo dục-1995.
18. Hơn 50 năm diệt dốt, Hà Nội-1996.
19. Lịch sử 50 năm Công đoàn Giáo dục Việt Nam (1951-2001), Nhà xuất bản Lao động-2001.
20. Các Chỉ thị về nhiệm vụ năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
21. Tài liệu các Hội nghị tổng kết năm học, các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

22. Hồ Chí Minh về vấn đề Giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục-1990.
 23. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đến lần thứ VII, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre, lưu hành nội bộ.
 24. Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Bến Tre (1930-1985), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bến Tre, 1985.
 25. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội-2003.
 26. Địa chí Bến Tre, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội-2001.
 27. Phụ nữ Bến Tre, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh-2000.
 28. Các Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương về Giáo dục-Đào tạo.
 29. Các Chỉ thị về nhiệm vụ năm học của Tỉnh ủy.
 30. Các đề án, dự án, kế hoạch của UBND tỉnh về Giáo dục-Đào tạo.
 31. Niên giám thống kê giáo dục-đào tạo từ năm học 1975-1976 đến năm học 2005-2006.
 32. Các Chương trình hành động, các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Ngành.
 33. Các Báo cáo tổng kết năm học, 5 năm, 10 năm, chuyên đề... của Ngành.
 34. Giáo giới Sài Gòn-Gia Định, Câu lạc bộ Nhà giáo Ưu tú Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2000.
 35. Ghi chép của ông Võ Văn Hườn, nguyên Trưởng Ty Giáo dục Bến Tre thời kháng chiến chống Pháp.
 36. Suu tầm của ông Trần Đức Mậu, nguyên học sinh Trường Tiểu học Kháng chiến thời chống Pháp về thầy giáo Nguyễn Năng An (1882-1950) dạy học ở xã Hưng Khánh Trung-huyện Mỏ Cày.
-

MỤC LỤC

GIÁO DỤC BẾN TRE (1945 – 2005)

Trang

-Lời mở đầu	CHÍ NHÂN	7
-Phần một: GIÁO DỤC BẾN TRE THỜI CHỐNG PHÁP	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	11
-Phần hai: GIÁO DỤC CÁCH MẠNG BẾN TRE TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975)	ĐỖ CHUNG - CHÍ NHÂN NGUYỄN THANH PHƯƠNG	33
-Phần ba: GIÁO DỤC BẾN TRE THỜI KỲ HÒA BÌNH, THỐNG NHẤT ĐI LÊN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975- 2005)	NGUYỄN THANH SƠN	85
-Phần bốn: TỔNG LUẬN	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	175
-Phần năm: NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN		181
I - Những nhà giáo ảnh hưởng lớn đến lịch sử giáo dục Bến Tre		183
-Hồ Chí Minh – Vị anh hùng dân tộc và danh nhân văn hóa kiệt xuất của Việt Nam	UNESCO	184
-Võ Trường Toàn – Nhà giáo dục nổi tiếng ở Nam Bộ	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	187
-Chí sĩ, nhà giáo, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	190
-Nhà giáo, nhà thơ Phan Văn Trị	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	193
-Nhà báo, nhà giáo Sương Nguyệt Anh	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	195
-Nhà giáo Nguyễn Văn Vĩnh	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	197
-Nhà giáo Ca Văn Thỉnh	ĐẶNG HỮU VINH	199
-Họa sĩ, nhà giáo Nguyễn Phi Oanh	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	206
-Họa sĩ, nhà giáo Lê Văn Đệ	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	208
-Bác sĩ, nhà giáo Trần Hữu Nghiệp	ĐỊA CHÍ BẾN TRE	210
-Tiến sĩ, Luật sư Trần Văn Khương	VŨ HOÀNG	212

-Nhà giáo, Liệt sĩ Hồ Hảo Hớn	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	215
-Lê Thị Mẫn – Tấm gương nuôi dạy con ăn học	ĐỊA CHỈ BẾN TRE	217
-Nhà giáo Võ Văn Huân -Trường Ty Giáo dục Bến Tre	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	219
-Nhà giáo Nguyễn Trường Phương	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	221
-Nhà giáo Nguyễn Liêm	NGUYỄN THANH SƠN	223
II - Sự kiện giáo dục Bến Tre thời chống Pháp		227
-Học đường 80 năm dưới ách đô hộ và chính sách ngu dân	NGUYỄN ÁI QUỐC	228
-Nhớ lại nền giáo dục trong tỉnh trước năm 1945	PHẠM CÔNG CẦN	231
-Tri ơn thầy trong vùng địch tạm chiếm	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	234
-Trường xưa	TRẦN MINH TÂM	236
-Vài nét về học sinh Trường Tiểu học Kháng chiến	BAN LIÊN LẠC	239
-Các cháu cựu học sinh Trường Tiểu học Kháng chiến Bến Tre	VÕ VĂN HUÂN	241
-Các em Trường Tiểu học Kháng chiến Bến Tre	NGUYỄN HOÀNG NAM	242
-Trường ta	BAN LIÊN LẠC	243
-Những ngày sống đầy ý nghĩa	NGUYỄN KIM TIẾN	244
-Sống và làm việc sao cho xứng đáng	NGUYỄN KIM BẮC	245
-Mừng ngày họp mặt nhớ trường xưa	TRẦN VĂN LỄ	246
-Trường Tiểu học Kháng chiến Mỏ Cày	TRẦN VIỆT HÙNG	248
-Tờ Bút Măng của Trường Trung học Lê Lợi	PHẠM VŨ	250
III - Sự kiện giáo dục Bến Tre thời chống Mỹ, cứu nước		
1. Nền giáo dục phổ thông của Mỹ - ngụy ở Miền Nam Việt Nam	TÀI LIỆU THAM KHẢO	255
2. Trường Sư phạm thời chống Mỹ		
-Các khóa sư phạm đầu tiên của tỉnh Bến Tre năm 1963-1964	HOÀI THANH	262
-Những ngày đầu của các lớp sư phạm cấp tốc và Ban Tu thơ của B.1000	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	264
-Những ngày ở Trường Sư phạm Khu 8	NGUYỄN TRỌNG ĐÀM	266
3. Giáo dục các địa phương thời chống Mỹ		271
-Phong trào giáo dục xã Thạnh Phong (Từ sau Đồng Khởi – 1960)	LÊ THIÊN	272

-Giáo dục xã Phú Túc	NGUYỄN THỊ HUỲNH ANH	278
-Phong trào giáo dục xã Khánh Thạnh Tân	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	279
-Phong trào giáo dục cách mạng xã An Định 1961-1975	LÊ PHÚ THÀNH	283
-Giáo dục xã Phước Long 1962-1966	NGUYỄN THỊ VÂN	289
-Giáo dục xã Châu Hòa	NGUYỄN AN CƯ	291
-Giáo dục xã Hưng Khánh Trung thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ	TRẦN TRUNG THÀNH	297
-Giáo dục các xã huyện Bình Đại	NGUYỄN VŨ TIẾN	301
4. Trường lớp học dưới bom đạn Mỹ		305
-Trường Trung học tư thực Bình Hòa	LÊ DÂN	306
-Những dấu vết xưa	THU NGUYỄN	318
-Lớp bỏ túc văn hóa ở Định Thủy, Bình Khánh-Mỏ Cày	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	325
-Kỷ niệm về một lớp học	NGUYỄN THỊ HUỲNH ANH	326
-Kỷ niệm về một mái trường	HOÀI THANH	328
-Ngôi trường bên dòng kinh	LÝ MINH VÂN	333
-Hai lớp học ở vùng giải phóng Bến Tre	LÊ MINH THẢO	335
-Những mẫu tin về giáo dục đáng nhớ	BÁO CHIẾN THẮNG	337
-Lớp bảy ở Long Mỹ Năm học 1967-1968	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	339
-Lớp bảy ở Hưng Khánh Trung Năm học 1968-1969	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	343
-Viết về một ngôi trường	NGÔ ĐÔNG	346
-Thăm trường giải phóng	NGUYỄN PHƯỚC	348
-Trong kháng Mỹ tôi đã dạy qua các lớp	HÌNH HỮU PHƯỚC	349
-Trường Vĩnh Phúc trong kháng Mỹ	NGUYỄN THU NGUYỄN	354
5. Giặc Mỹ thăm sát học sinh		359
-Giặc Mỹ thăm sát học sinh Trường Linh Phụng	LÊ THU	360
-Giặc Mỹ thăm sát học sinh Trường Tân Bình	LÊ XUÂN HỒNG	363
-Những đóa hoa bất tử	LÊ HỒNG LÂM	365
-Tấm bia son trên nền trường học cũ	NGUYỄN NHẬT NAM	367
6. Giáo dục với Xuân Mậu Thân		371
-Tiểu đoàn học sinh kháng chiến tham gia cuộc tiến công và nổi dậy Xuân 1968	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	372
-Trò Ut xuống đường	CHI LAN	375
-Giáo dục cũng đồng khởi chống Mỹ	HAI NGUYỄN	378
-Mái trường nở hoa dũng sĩ	BÁO CHIẾN THẮNG	380

-Dưới ánh sáng của chính quyền cách mạng...	BÁO CHIẾN THẮNG	381
-Học sinh Trường Công lập Bến Tre đấu tranh....	BÁO CHIẾN THẮNG	382
7. Kỷ ức giáo dục thời chống Mỹ		383
-Vài nét về phong trào giáo dục tỉnh Bến Tre trong thời kỳ chống Mỹ	NGUYỄN KIM HỒNG	384
-Suy nghĩ về truyền thống giáo dục Bến Tre	NGUYỄN KIM HỒNG	389
-Đi gieo những hạt giống mùa xuân	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	390
-Bài ca Sư phạm	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	396
-Kỷ niệm một thời áo trắng	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	402
-Đoàn cán bộ giáo dục Bến Tre đi dự Hội nghị Giáo dục Khu 8 đầu năm 1973	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	406
-Nồi cháo tép	CHI LAN	411
-Hùng đông	CHI LAN	414
-Mưa đầu mùa	NGUYỄN THU NGUYỄN	416
-Em bé Phú Xuân	THU NGUYỄN	419
-Ngược xuôi trên những tuyến đường	CHI LAN	420
-Phong trào giáo dục trong kháng Mỹ	VÂN LY	424
-Tâm tình thầy giáo cũ	HOÀNG VŨ	430
-Ông Trưởng Phòng Giáo dục huyện Mỏ Cày	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	431
-Nhớ chị Yến Lan	CHI LAN	433
-Tư Dân – Cô giáo chia chữ	CHÍ NHÂN	437
-Đường tới Bến Tre	TRẦN XUÂN MẬU	438
-Theo bước chân Thầy	TRẦN THỊ TÂM	442
-Hoa phượng	NGUYỄN ĐÔNG THẢO	444
-Từ một mái trường	THANH THẢO	448
-Những đồng chí của tôi	HỒ NGỌC SƯƠNG	451
-Những cánh én tìm xuân	TRẦN THỊ THU NGÀ	454
-Lời phát biểu của đại diện Ban liên lạc đồng hương tỉnh Bến Tre tại buổi lễ kết nghĩa của Trường cấp III Vĩnh Phúc với Trường Sư phạm cấp II Bến Tre	BAN LIÊN LẠC	457
-Khen thưởng		461
IV - Sự kiện giáo dục Bến Tre sau ngày giải phóng (1975-2005)		
1. Các chỉ thị của Đảng		463
-Chỉ thị về công tác giáo dục ở Miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng	BCH-TW ĐẢNG	464
-Chỉ thị Mở chiến dịch xóa nạn mù chữ, lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng lần thứ IV	BCH ĐẢNG BỘ TỈNH	470
2. Buổi đầu		473
-Buổi đầu gian nan	CHÍ NHÂN	474
-Ngày khai trường phổ thông cấp I Vĩnh Phúc	BÁO CHIẾN THẮNG	480

-Em đi học	TRIỆU KHANH	481
-Vào trường, vào đời xã hội chủ nghĩa	BẢO CHIẾN THẮNG	482
-Bên Tre vào năm học 1976-1977	BẢO CHIẾN THẮNG	483
-Một buổi học dưới mái trường giải phóng	THIÊN THANH	484
3. Xóa dốt và bổ túc văn hóa		487
-Chiến dịch “Đồng khởi xóa dốt và BTVH” giành thắng lợi lịch sử	CHÍ NHÂN	488
-Phú Phụng – Ngọn cờ đầu về xóa mù chữ và bổ túc văn hóa ở Bến Tre và Miền Nam	CHÍ NHÂN	494
-Cô Trường ban Giáo dục xã	PHƯƠNG ĐỒNG	500
-Bình Nguyên xóa dốt	CHÍ NHÂN – LÊ VĂN SƠN	502
4. Những cơ sở giáo dục và đào tạo		507
-Bước phát triển của một trường Mầm non	LÊ THỊ NGỌC DƯ	508
-Trường Mầm non Bán công thị trấn Mỏ Cày	NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG	511
-Trường Mẫu giáo dân lập SOS Bến Tre	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	513
-Một ngôi trường sống mãi trong lòng dân	NGỌC CHÂU	515
-Vườn ươm tài năng trẻ - Trường THPT Chuyên Bến Tre	HOÀNG AN	517
-Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	BAN GIÁM HIỆU	520
-Trường THPT Ba Tri	PHẠM CÔNG TRUNG	522
-Trường THPT Cheguevara Mỏ Cày Nam	TRẦN THỊ KIM LIÊN	524
-Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ du học	NGUYỄN VĂN HUẤN	528
-Trường Hermann Gmeiner Bến Tre – Ngôi trường đạt chuẩn Quốc gia	HOÀNG AN	531
-Trường Nuôi dạy Trẻ em khuyết tật	BAN GIÁM HIỆU	533
-Ghi chép một góc hoạt động của Trường Thanh niên Cộng sản	CHÍ NHÂN	535
-Mạng lưới cơ sở giáo dục chuyên nghiệp tỉnh Bến Tre	LÂM KIẾN THIẾT	538
-Trường Sư phạm Mẫu giáo ngày ấy	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	542
-Một thời đáng nhớ	PHẠM THỊ THU	550
-Trường Trung học Y tế	NGUYỄN CHÍ ĐỒNG	556
-Trường Cao đẳng Bến Tre	BAN GIÁM HIỆU	559
-Trường Chính trị Bến Tre và công tác huấn luyện đào tạo cán bộ qua các thời kỳ	TS. PHAN VĂN BA	570
-Công tác xây dựng trường sở 1975-2009	PHÒNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	579
5. Công đoàn và các hội ngành giáo dục		581
-Từ Hội Nhà giáo yêu nước đến Công đoàn Giáo dục tỉnh Bến Tre	NGUYỄN THỊ LIỀN	582

-Hội Khuyến học tỉnh Bến Tre với thành quả bước đầu	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	591
-Hội Khuyến học Hương Mỹ	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	594
-Thư Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam	NGUYỄN MẠNH CẨM	597
-Hội Cựu Giáo chức Việt Nam tỉnh Bến Tre	NGUYỄN VĂN BA	598
6. Nhân cách Thầy – trò		602
-Thầy trò	DƯƠNG SINH	603
-Tâm tình nhà giáo	HOÀI BẢO	607
-Ngọn đèn	NGUYỄN ĐÔNG THẢO	609
-Cô giáo của tôi	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	610
-Tại sao tôi chọn nghề dạy học	PHẠM THỊ CẨM	612
-Thầy Anh – 50 năm dạy học – 74 tuổi còn học	BÍCH TRÂM	615
-Nhân cách đích thực của nhà giáo	NGUYỄN THANH SƠN	616
-Viết tiếp trang sử vẻ vang của ngành	NGUYỄN THANH SƠN	622
-Giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông	NGUYỄN THANH SƠN	631
-Nét chữ - Nết người	HOÀNG AN	635
7. Nghĩa vụ quốc tế		637
-Giáo dục Bến Tre thực hiện nghĩa vụ quốc tế ở Kandal-Campuchia	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	638
-Phần sáu: PHỤ LỤC		645
1. Chân dung Trường - Phó ngành		647
2. Nhà giáo liệt sĩ		655
3. Cán bộ, giáo viên kháng chiến B.1000 và các địa phương		661
4. Nhà giáo Ưu tú		679
-Tài liệu tham khảo		682
-Mục lục		684
-Trang cuối sách		690

Giáo dục Bến Tre (1945-2005)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ NGỌC BŨU

Biên tập:

LÊ CHÍ NHÂN
NGUYỄN THANH PHƯƠNG
NGUYỄN THANH SƠN

Thư ký:

CAO MINH SƠN
BÙI VĂN KHỎE

Trình bày:

NGUYỄN ĐÔNG THẢO

Vi tính:

CAO THANH THẢO

Bìa:

HỒ TRƯỜNG

In 1.350 quyển khổ 19x27cm tại Cty TNHH in ấn - Thiết kế quảng cáo AU - P.6 - TP. Bến tre
Giấy phép xuất bản số : 71/GPXB-STTTT Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 11.11.2009
In xong và nộp lưu chiểu ngày 20-11-2009



SỞ GIÁO
VÀ ĐẠO
BẾN T

GIÁO DỤC BẾN TRE 1945 - 2005

20